

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2025/HS-ST
Ngày 08-12-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thụ

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Lâm

Ông Đinh Công Hoat

- Thư ký phiên tòa: Bà Ma Thị Huyền, Thư ký viên Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa:
Bà Đoàn Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 05/2025/TLST-HS ngày 24 tháng 10 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 906/2025/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 11 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Phương Văn G; Tên gọi khác: Không có; Giới tính: Nam. Sinh ngày 07/10/1990, tại xã Q, tỉnh Cao Bằng; Nơi cư trú: xóm C, xã Q, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; Trình độ học vấn: 09/12; Số thẻ CCCD: 004090008965, cấp ngày 24/6/2021. Nơi cấp Cục Cảnh sát QLHC về TTXH. Họ và tên cha: Phương Văn C, sinh năm 1964; Họ và tên mẹ: Mông Thị X, sinh năm 1964; Cùng trú tại xóm C, xã Q, tỉnh Cao Bằng; Vợ: Phương Thị T, sinh năm 1992; có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2015, cùng trú tại xóm C, xã Q, tỉnh Cao Bằng; A, chị em ruột: Có 03 anh em, bị cáo là con cả; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Tạm giam từ ngày 08/8/2025 đến ngày 25/9/2025 được thay thế bằng biện pháp Bảo lãnh, có mặt.

2. Họ và tên: Phương Văn B; Tên gọi khác: Không có; Giới tính: Nam. Sinh ngày 13/5/1993, tại xã Q, tỉnh Cao Bằng; Nơi cư trú: xóm C, xã Q, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; Trình độ học vấn: 09/12; Số thẻ CCCD: 004093007216, cấp ngày 24/6/2021. Nơi cấp Cục Cảnh sát QLHC về TTXH. Họ và tên cha: Phương Văn C, sinh năm 1964; Họ và tên mẹ: Mông Thị X, sinh năm

1964; Cùng trú tại xóm C, xã Q, tỉnh Cao Bằng; Vợ: Nguyễn Thị P, sinh năm 1994; có 01 con sinh năm 2018, cùng trú tại xóm C, xã Q, tỉnh Cao Bằng; A, chị em ruột: Có 03 anh em, bị cáo là con thứ hai; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 05/8/2025 đến nay, có mặt.

3. Họ và tên: Trương Văn V; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam. Sinh ngày 08/12/1992, tại xã Q, tỉnh Cao Bằng; Nơi cư trú: xóm C, xã Q, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; Trình độ học vấn: 09/12; Số thẻ CCCD: 004092004290, cấp ngày 14/02/2025. Nơi cấp Cục Cảnh sát QLHC về TTXH. Họ và tên cha: Trương Văn M, đã chết; Họ và tên mẹ: Đặng Thị S, sinh năm 1960; trú tại xóm C Tó B, xã Q, tỉnh Cao Bằng; Vợ: Trương Thị N, sinh năm 1995; có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2019, cùng trú tại xóm C, xã Q, tỉnh Cao Bằng; A, chị em ruột: Có 03 anh em, bị cáo là con thứ hai; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 05/8/2025 đến nay, có mặt.

4. Họ và tên: Hà Văn Q; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam. Sinh ngày 29/6/1976, tại xã Q, tỉnh Cao Bằng; Nơi cư trú: xóm B, xã Q, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; Trình độ học vấn: 02/12; Số thẻ CCCD: 004076005646, cấp ngày 09/5/2021. Nơi cấp Cục Cảnh sát QLHC về TTXH. Họ và tên cha: Hà Văn Q1, đã chết; Họ và tên mẹ: Vi Thị H, sinh năm 1950; trú tại xóm B, xã Q, tỉnh Cao Bằng; Vợ: Phương Thị N1, sinh năm 1981; có 03 con, con lớn sinh năm 2003, con út sinh năm 2011, cùng trú tại xóm B, xã Q, tỉnh Cao Bằng; A, chị em ruột: Có 06 anh em, bị cáo là con thứ ba; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại bản án số 73/2022/HS-ST ngày 20/7/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xử phạt bị cáo số tiền 900.000.000đ về tội Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới, (đã nộp xong số tiền trên).

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08/8/2025 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh C, có mặt.

5. Họ và tên: Hà Văn Á; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam. Sinh ngày 29/9/1993, tại xã Q, tỉnh Cao Bằng; Nơi cư trú: xóm B, xã Q, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Số thẻ CCCD: 004093005928, cấp ngày 27/6/2021. Nơi cấp Cục Cảnh sát QLHC về TTXH. Họ và tên cha: Hà Văn T1, đã chết; Họ và tên mẹ: Nông Thị T2, sinh năm 1958; Vợ: Bé Thị L, sinh năm 1991; có 02 con, con lớn sinh năm 2021, con nhỏ sinh năm 2024, cùng trú tại xóm B, xã Q, tỉnh Cao Bằng; A, chị em ruột: Có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 05/8/2025 đến nay, có mặt.

6. Họ và tên: Nông Văn K; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam. Sinh ngày 17/10/1995, tại xã Q, tỉnh Cao Bằng; Nơi cư trú: xóm B, xã Q, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; Trình độ học vấn: 09/12; Số thẻ CCCD: 004095003694, cấp ngày 09/8/2021. Nơi cấp Cục Cảnh sát QLHC về TTXH. Họ và tên cha: Nông Văn T3, sinh năm 1959; Họ và tên mẹ: Đàm Thị T4 (đã chết); Vợ, con: Chưa có; Anh, chị, em ruột: Có 04 anh em, bị cáo là con thứ ba; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 05/8/2025 đến nay.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Trương Văn M1, sinh ngày 28/3/1995. Địa chỉ: xóm C Tó B, xã Q, tỉnh Cao Bằng, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 17 giờ 40 phút, ngày 01/7/2025, tổ công tác Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về kinh tế Công an tỉnh C phối hợp với tổ công tác Biên phòng Quang Hán, Đoàn Biên phòng Cửa khẩu T5 làm nhiệm vụ tại xóm T, xã Q, tỉnh Cao Bằng, phát hiện xe ô tô tải Biển kiểm soát 22H-000.23 đang dừng đỗ trên đường hướng từ khu vực mốc 729 ra đường T, có biểu hiện vận chuyển hàng hóa không rõ nguồn gốc xuất xứ, tổ công tác tiến hành kiểm tra, lái xe là Trương Văn V (sinh năm 1992; trú tại: xóm C, xã Q, tỉnh Cao Bằng) kiểm tra trên thùng xe có 11 (mười một) con ngựa, Trương Văn V cho biết số ngựa này đều là ngựa Trung Quốc, V được Phương Văn B (sinh năm 1993, trú tại: xóm C, xã Q, tỉnh Cao Bằng) thuê chở từ khu vực mốc biên giới 729 thuộc xóm T, xã Q đến chợ T6, xã T, tỉnh Cao Bằng. Toàn bộ số ngựa trên xe không có giấy tờ chứng minh nguồn gốc xuất xứ, không có giấy chứng nhận kiểm dịch. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản sự việc, tạm giữ 01 xe ô tô và 11 con ngựa để tiếp tục điều tra, làm rõ.

Mở rộng điều tra xác định được như sau: Sáng ngày 01/7/2025, Phương Văn G (sinh năm 1990, trú tại: xóm C, xã Q, tỉnh Cao Bằng) xuất cảnh sang Trung Quốc qua cửa khẩu T5 rồi đến chợ G1 bên Trung Quốc để thu mua 11 con ngựa giá là 265.000.000 đồng với một người Trung Quốc tên "Choong" (không rõ họ, địa chỉ cụ thể), G đã thanh toán bằng tiền mặt 240.000.000 đồng trước cho người bán, mục đích mua ngựa để đưa về chợ T6 - Việt Nam bán lại kiếm lời. Số ngựa trên đều là ngựa trưởng thành, chưa thuần chủng nên không dắt được từng con mà phải lừa theo đàn. G cùng người bán ngựa Trung Quốc thống nhất người bán có trách nhiệm đưa ngựa đến mốc biên giới Việt Nam - T, G thuê người đến đón tại mốc này để đưa về Việt Nam tiêu thụ. Sau khi mua được ngựa, G gọi điện thoại cho Hà Văn Q (trú tại: xóm B, xã Q, tỉnh Cao Bằng) thuê Q đi đến mốc 729 đón ngựa với bên Trung Quốc và đưa ngựa lên xe ô tô vận chuyển đến T, tiền công là 200.000 đồng/01 người. Đồng thời, G gọi điện cho em trai là Phương Văn B nói G mua được ngựa bên Trung Quốc, nhờ B liên hệ thuê xe ô tô của Trương Văn V đi

đến mốc 729 nhận ngựa, vận chuyển về T để bán. B đồng ý và gọi điện cho Trương Văn V thuê xe ô tô đi đến khu vực mốc 729 để vận chuyển số ngựa về chợ T6, giá cước xe là 600.000 đồng, V đồng ý.

Đối với Hà Văn Q, khi G gọi điện thuê Q thì có 02 người là Nông Văn K và Hà Văn Á cùng trú tại xóm B, xã Q, tỉnh Cao Bằng đang ngồi uống nước tại nhà Q. K và Á nghe được G và Q nói chuyện điện thoại nên biết được G đang tìm thuê người đi đến khu vực mốc 729 để lừa ngựa, Q rủ Á và K cùng đi lừa ngựa cho G với tiền công 200.000đồng/01người, Á và K đồng ý. Sau đó, Phương Văn B lập nhóm W gồm 03 người là B, V và Q để liên lạc trong quá trình vận chuyển ngựa. Dưới sự chỉ dẫn của B thì Q, Á và K đến và đợi tại mốc 729 đón ngựa. Viên đi xe ô tô tải biển kiểm soát 22H-000.23 đến đoạn đường cách mốc 729 khoảng 200 mét rồi quay đầu xe cho thùng xe sát vào taluy dương để chờ nhận ngựa. Q, K và Á nhận 11 con ngựa ngay tại mốc 729 với 03 người Trung Quốc, sau đó nhóm người này cùng lừa 11 con ngựa đưa lên thùng xe của Trương Văn V. Sau khi Q, Á và K lừa ngựa lên xe xong, V điều khiển xe đi hướng xã T thì bị phát hiện, ngăn chặn.

Ngày 03/7/2023, các cơ quan chức năng tiến hành xác định đặc điểm, số lượng, khối lượng của 11 con ngựa đã tạm giữ, kết quả: 11 con ngựa có tổng khối lượng là **3.232 kg** (*Ba nghìn hai trăm ba mươi hai kilôgam*). Tại Kết luận định giá tài sản số 2820 ngày 18/7/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Cao Bằng kết luận: 11 con ngựa có giá trị là: **252.096.000 đồng** (*hai trăm năm mươi hai triệu không trăm chín mươi sáu nghìn đồng*).

Ngày 01/7/2025, Phương Văn G xuất cảnh sang Trung Quốc mua 11 con ngựa có trị giá 252.096.000 đồng rồi vận chuyển từ Trung Quốc vào Việt Nam qua mốc biên giới 729 để bán lại kiếm lời, G gọi điện nhờ Phương Văn B giúp thuê người vận chuyển số ngựa trên về T để bán. Bình biết rõ G thực hiện hành vi mua bán trái phép 11 con ngựa qua biên giới nhưng vẫn giúp sức để vận chuyển.

Trương Văn V, Hà Văn Q, Hà Văn Á và Nông Văn K được Phương Văn G và Phương Văn B thuê vận chuyển 11 con ngựa trên từ Trung Quốc về Việt Nam để nhận tiền công mỗi người là 200.000 đồng; V sử dụng ô tô đi đến cách mốc khoảng 200 mét cho Q, Á và K lừa ngựa lên xe vận chuyển về T để nhận tiền công. Khi V điều khiển xe đi đến xóm T, xã Q, tỉnh Cao Bằng thì bị cơ quan chức năng phát hiện. Do bị ngăn chặn nên V, Q, Á và K chưa nhận được tiền công.

Hành vi của Phương Văn G và Phương Văn B đã bị Cơ quan điều tra khởi tố về tội Buôn lậu, quy định tại khoản 1 Điều 188 Bộ luật Hình sự; Hành vi của Trương Văn V, Hà Văn Q, Hà Văn Á và Nông Văn K đã bị khởi tố về tội Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới, quy định tại khoản 1 Điều 189 Bộ luật Hình sự;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng vẫn giữ nguyên bản cáo trạng số: 02/CT-VKSCB-P1 ngày 22 tháng 10 năm 2025 đã truy tố Phương Văn G và Phương Văn B về tội Buôn lậu quy định tại khoản 1 Điều 188 Bộ luật Hình sự; Truy tố Trương Văn V, Hà Văn Q, Hà Văn Á và Nông Văn K về tội Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới, quy định tại khoản 1 Điều 189 Bộ luật Hình sự.

- Về nhân thân:

+ Các bị cáo Phương Văn G, Phương Văn B, Trương Văn V, Hà Văn Á và Nông Văn K là người có nhân thân tốt, chưa bị xử lý hành chính hay hình sự lần nào.

+ Bị cáo Hà Văn Q có nhân thân xấu: Ngày 20/7/2022 bị TAND tỉnh Cao Bằng xử phạt 900 triệu đồng về tội Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới, đã thi hành xong các khoản nhưng được coi là có nhân thân xấu.

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS cho cả 06 bị cáo. Các bị cáo Phương Văn G, Phương Văn B, Trương Văn V, Hà Văn Á và Nông Văn K phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra bị cáo Phương Văn G, Phương Văn B có ông Phương Văn K1 được tặng Huân chương kháng chiến hạng Ba; Bị cáo G và B được Ủy ban nhân dân xã Q xác nhận là gia đình có hoàn cảnh khó khăn, là lao động chính trong gia đình nên các bị cáo được áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Hà Văn Q có bố Hà Văn Q1 được tặng Huân chương kháng chiến hạng Nhì; Bộ cấp Giấy chứng nhận tham gia dân công hỏa tuyến; Mẹ đẻ Vũ Thị H1 được tặng Huy chương kháng chiến hạng nhì, được áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Từ những căn cứ nêu trên, đề nghị hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Các bị cáo Phương Văn G, Phương Văn B phạm tội Buôn lậu, quy định tại khoản 1 Điều 188 Bộ luật Hình sự; Các bị cáo Trương Văn V, Hà Văn Q, Hà Văn Á, Nông Văn K phạm tội Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới quy định tại khoản 1 Điều 189 Bộ luật Hình sự.

- Về Điều luật áp dụng và hình phạt:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 188; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 65 Bộ luật Hình sự: xử phạt Phương Văn G, Phương Văn B mỗi bị cáo từ 12 đến 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 189; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 65 Bộ luật Hình sự: xử phạt Trương Văn V, Hà Văn Á, Nông Văn K mỗi bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 189, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt Hà Văn Q từ 06 đến 09 tháng tù giam.

Hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của

Bộ luật Tố tụng hình sự:

- *Tịch thu nộp ngân sách nhà nước:*

+ Số tiền 230.880.000đ là số tiền bán 11 con ngựa, CQĐT đã chuyển vào tài khoản Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng theo ủy nhiệm chi ngày 06/11/2025.

+ 01 (một) điện thoại di động OPPO A60 của Phương Văn G; 01 (một) điện thoại di động OPPO của Trương Văn V;

- Trả lại 01 (một) xe ô tô BKS: 22H-000.23, chiếc xe là phương tiện bị cáo Trương Văn V dùng để chở ngựa tuy nhiên tại phiên tòa đã xác định chiếc xe là của anh Trương Văn M1, khi V mượn xe không nói cho M1 biết là lấy xe đi chở ngựa, anh M1 yêu cầu được lấy lại xe là có căn cứ. (Kèm theo đăng ký xe và Giấy chứng nhận bảo hiểm xe ô tô).

- Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận, các bị cáo đều nhất trí với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng, không có ý kiến tranh luận.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan Trương Văn M1 khẳng định khi V mượn xe không nói cho M1 biết là lấy xe ô tô đi chở ngựa, do đó anh đề nghị trả lại xe ô tô để gia đình sử dụng.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, ăn năn hối cải và mong Hội đồng xét xử giảm hình phạt cho các bị cáo ở mức thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa đều phù hợp với Biên bản sự việc; Bản tự khai, biên bản ghi lời khai; Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Cao Bằng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đủ căn cứ chứng minh:

Ngày 01/7/2025, Phương Văn G xuất cảnh sang Trung Quốc mua 11 con ngựa, với giá trị định giá tài sản là 252.096.000đồng rồi vận chuyển từ Trung Quốc vào Việt Nam qua mốc biên giới 729 để bán lại kiếm lời, G gọi điện nhờ Phương Văn B giúp thuê người vận chuyển số ngựa trên về T để bán. Bình biết rõ G thực

hiện hành vi mua bán trái phép 11 con ngựa qua biên giới nhưng vẫn giúp sức.

Trương Văn V, Hà Văn Q, Hà Văn Á và Nông Văn K được Phương Văn G và Phương Văn B thuê vận chuyển 11 con ngựa trên từ Trung Quốc về Việt Nam để nhận tiền công. Q, Á, K lừa 11 con ngựa từ mốc 729 lên xe ô tô của V để nhận tiền công mỗi người là 200.000 đồng; V sử dụng ô tô đi đến cách mốc khoảng 200 mét cho Q, Á và K lừa ngựa lên xe vận chuyển về T để nhận tiền công. Khi V điều khiển xe chở 11 con ngựa đi đến xóm T, xã Q, tỉnh Cao Bằng thì bị cơ quan chức năng phát hiện, ngăn chặn. Do bị phát hiện và ngăn chặn nên V, Q, Á và K chưa nhận được tiền công.

Hành vi của các bị cáo Phương Văn G và Phương Văn B đã phạm vào tội Buôn lậu, quy định tại khoản 1 Điều 188 Bộ luật Hình sự; Hành vi của các bị cáo Trương Văn V, Hà Văn Q, Hà Văn Á và Nông Văn K đã phạm vào tội Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới, quy định tại khoản 1 Điều 189 Bộ luật Hình sự:

“Điều 188. Tội buôn lậu

1. Người nào buôn bán qua biên giới hoặc từ khu phi thuế quan vào nội địa hoặc ngược lại trái pháp luật hàng hóa, tiền Việt Nam, ngoại tệ, kim khí quý, đá quý trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng hoặc dưới 100.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

...”

Điều 189. Tội vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới

1. Người nào vận chuyển qua biên giới hoặc từ khu phi thuế quan vào nội địa hoặc ngược lại trái pháp luật hàng hóa, tiền Việt Nam, ngoại tệ, kim khí quý, đá quý trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng hoặc dưới 100.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm:

...

4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

...”

Các bị cáo đều nhận thức được hành vi Buôn lậu và Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới là hành vi nguy hiểm cho xã hội. Hành vi của các bị cáo là lỗi cố ý trực tiếp, gây mất trật tự trị an - xã hội tại địa phương. Hành vi của Phương Văn G và Phương Văn B đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Buôn lậu” quy định tại

khoản 1 Điều 188 Bộ luật Hình sự; Hành vi của các bị cáo Trương Văn V, Hà Văn Q, Hà Văn Á, Nông Văn K đã phạm vào tội Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới, quy định tại khoản 1 Điều 189 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Vai trò các bị cáo trong vụ án: Trong vụ án này bị cáo Phương Văn G là người giữ vai trò chính, bị cáo Phương Văn B là người giúp sức cho bị cáo G để thực hiện hành vi Buôn lậu; Các bị cáo V, Q, Á, K là người giúp sức Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới để được trả tiền công; Các bị cáo là đồng phạm giản đơn cùng thực hiện hành vi phạm tội và phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi của mình đã gây ra.

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Nhân thân:

+ Các bị cáo Phương Văn G, Phương Văn B, Trương Văn V, Hà Văn Á và Nông Văn K là người có nhân thân tốt, chưa bị xử lý hành chính hay hình sự lần nào.

+ Bị cáo Hà Văn Q có nhân thân xấu: Ngày 20/7/2022 bị TAND tỉnh Cao Bằng xử phạt 900 triệu đồng về tội Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới, đã thi hành xong các khoản nhưng được coi là có nhân thân xấu.

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS cho cả 06 bị cáo. Các bị cáo Phương Văn G, Phương Văn B, Trương Văn V, Hà Văn Á và Nông Văn K phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo sau:

+ Bị cáo Phương Văn G, Phương Văn B có ông Phương Văn K1 được tặng Huân chương kháng chiến hạng Ba;

+ Bị cáo Hà Văn Q có bố đẻ Hà Văn Q1 được tặng Huân chương kháng chiến hạng Nhì; Bộ cấp Giấy chứng nhận tham gia dân công hỏa tuyến; Mẹ đẻ Vũ Thị H1 được tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhì;

[5] Về hình phạt chính: Hành vi phạm tội của các bị cáo Phương Văn G, Phương Văn B, Trương Văn V, Hà Văn Á và Nông Văn K là ít nghiêm trọng, xét thấy các bị cáo có nhân thân tốt, không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, do đó cần áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự và Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 BLHS về án treo, giao các bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát giáo dục là có căn cứ; bị cáo G là đầu vụ phải xử phạt nặng hơn so với bị cáo B.

Đối với bị cáo Hà Văn Q, bị cáo có nhân thân xấu, không đủ điều kiện cho

hưởng án treo, cần tiếp tục áp dụng hình phạt tù có thời hạn cách ly bị cáo Q khỏi xã hội một thời gian để xử lý nghiêm người phạm tội, đồng thời tuyên truyền pháp luật trong nhân dân.

[6] Hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền các bị cáo.

[7] Các vấn đề khác: Đối với người Trung Quốc tên "Choong" bán ngựa cho Phương Văn G và 03 người Trung Quốc vận chuyển ngựa đến mốc 729, quá trình điều tra không xác định được tên tuổi, địa chỉ cụ thể của những người này nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý trong vụ án này.

[8] Về hướng xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước:

+ Vật chứng của vụ án là 11 con ngựa, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C đã Quyết định xử lý vật chứng, bán số ngựa trên thu được số tiền 230.880.000 đồng. (đã chuyển đến tài khoản Thi hành án dân sự theo quy định).

+ 01 (một) điện thoại OPPO A60 của Phương Văn G và 01 (một) điện thoại OPPO của Trương Văn V dùng vào việc phạm tội.

+ Đối với xe ô tô BKS: 22H- 000.23 đang bị tạm giữ là phương tiện bị cáo Trương Văn V dùng vào việc phạm tội, tuy nhiên tại phiên tòa anh Trương Văn M1 là chủ phương tiện nêu trên trình bày: Chiếc xe ô tô là của anh M1, khi bị cáo V mượn xe không nói cho anh M1 biết là dùng xe đi chở ngựa, do đó anh M1 yêu cầu được lấy lại xe ô tô để sử dụng (kèm theo giấy tờ xe). Hội đồng xét thấy đề nghị của anh M1 là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[9] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng về tội danh, mức hình phạt, về hướng xử lý vật chứng và án phí là có căn cứ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố:

1. Về tội danh:

Các bị cáo Phương Văn G và Phương Văn B phạm Tội buôn lậu;

Các bị cáo Trương Văn V, Hà Văn Q, Hà Văn Á và Nông Văn K phạm Tội vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới.

2. Về Điều luật áp dụng và hình phạt:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 188; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Phương Văn G **15** tháng tù cho hưởng án treo,

thời gian thử thách **30** tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (08/12/2025).

+ Áp dụng khoản 1 Điều 188, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Phương Văn B **12** tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách **24** tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (08/12/2025).

+ Áp dụng khoản 1 Điều 189; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Trương Văn V, Hà Văn Á, Nông Văn K mỗi bị cáo **08** tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách **16** tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (08/12/2025).

Giao các bị cáo Phương Văn G, Phương Văn B, Trương Văn V, Hà Văn Á, Nông Văn K cho Ủy ban nhân dân xã Quang Hán, tỉnh Cao Bằng giám sát, giáo dục.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 93 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.”

+ Áp dụng khoản 1 Điều 189, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt Hà Văn Q **06** tháng tù giam, thời gian chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 08/8/2025.

3. Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- *Tịch thu phát mại nộp ngân sách nhà nước:*

+ Tiền Việt Nam: 230.880.000đ, (Hai trăm ba mươi triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng chẵn). Đã chuyển vào tài khoản 3949.0.1054207.00000 của Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng mở tại KBNN khu vực VII - Phòng nghiệp vụ 2. Theo ủy nhiệm chi ngày 06/11/2025.

+ 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi: Điện thoại OPPO A60 của Phương Văn G, mặt sau có chữ ký của thành phần tham gia niêm phong và đóng 03 giáp lai các dấu hình tròn mực đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh C;

+ 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi: Điện thoại OPPO của Trương Văn V, mặt sau có chữ ký của thành phần tham gia niêm phong và đóng 03 giáp lai các dấu hình tròn mực đỏ của Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh C

- *Trả lại người liên quan Trương Văn M1:*

+ 01 (một) xe ô tô BKS: 22H-000.23, loại xe: Tải có mui, nhãn hiệu FOTON, số loại THACO, màu sơn: Xanh; số máy: YZ4105ZLQBA08009946; Số khung: RNHA1250AGC082764, dung tích xi lanh: 4087 cm³, năm sản xuất 2016, số chỗ ngồi: 03, trọng tải 6950kg, khối lượng bản thân 4285kg, xe đã qua sử dụng, không nổ được máy, (có 01 chìa khóa xe kèm theo);

Qua kiểm tra thực tế số khung, số máy của xe mô tô trùng khớp với P1 trả lời xác minh xe ngày 04/11/2025 của Phòng C2 - Công an tỉnh C.

+ 01 (một) đăng ký xe ô tô số: 019427, BKS 22H-000.23 mang tên Lý Văn C1;

+ 01 (một) Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường số: 1000952, biển đăng ký 22H - 000.23;

Vật chứng trên Cơ quan điều tra đã bàn giao cho Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số: 04 ngày 10/11/2025.

4. Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm mỗi người 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) để nộp ngân sách nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, các bị cáo có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trương Văn M1 có mặt có quyền kháng cáo về phần liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- THADS tỉnh Cao Bằng;
- CQ CSĐT-CA tỉnh Cao Bằng;
- Phòng hồ sơ CA tỉnh Cao Bằng;
- Phòng GDKT, TT & THA;
- Người TGT;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa Hình sự;
- Lưu tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Thụ